

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 101/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 11 - 2018

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Phúc Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình.

2. Ông Lưu Trọng Kim.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Nghĩa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:

Ông Hoàng Thái Thoại - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 209/2018/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2018, về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2018 và quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 118/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Chu Thị T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Xóm A, thôn Y, xã V, huyện B, thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Huỳnh Hải S, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ C, khu phố D, thị trấn Đ1, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, vắng mặt anh S không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/5/2018, bản tự khai và đơn đề nghị, nguyên đơn chị Chu Thị T trình bày: Chị và anh Lê Huỳnh Hải S tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 21/4/2016 tại UBND

xã V, huyện B, Thành phố Hà Nội, đăng ký kết hôn số 45/2016. Sau khi kết hôn, anh chị về sống chung tại nhà anh S ở tổ C, khu phố D, thị trấn Đ1, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị phát sinh sau 02 tháng chung sống và kéo dài cho tới hiện nay. Giai đoạn mâu thuẫn căng thẳng nhất là vào tháng 6/2017 và chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị tại xã V, huyện B, thành phố Hà Nội từ ngày 14/6/2017 đến nay. Thời điểm ly thân thì chị đã mang thai hơn 05 tháng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh chị quen biết, tìm hiểu và yêu nhau qua mạng xã hội nên không hiểu về tính cách của nhau. Khi về chung sống thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Anh S tùy tiện sử dụng tiền bạc của gia đình để tiêu xài cá nhân, hủy hoại tài sản gia đình, xúc phạm cha mẹ chị. Khi chị góp ý thì anh S đánh đập chị tàn nhẫn, kể cả khi chị đang mang thai. Hai bên gia đình đã hòa giải cho vợ chồng anh chị nhưng không có kết quả. Thời gian chị và anh S ly thân đến nay đã gần 1,5 năm, chị và anh không còn liên lạc với nhau. Chị T xác định không còn tình cảm với anh S nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh S. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Chu Quỳnh N, sinh ngày 15/10/2017, theo Giấy khai sinh số 267, đăng ký ngày 26/11/2017 tại UBND xã V, huyện B, thành phố Hà Nội. Hiện cháu N đang sống chung với chị. Nay chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị không tranh chấp. Ngoài ra, do khoảng cách địa lý, việc đi lại khó khăn, chị phải đi làm thuê để nuôi con nên đã yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Tại các biên bản xác minh ngày 29/6/2018 và ngày 16/7/2018 của ông Lê Mậu S1 và bà Huỳnh Thị Q là cha, mẹ ruột anh Lê Huỳnh Hải S, ông S1 và bà Q đã trình bày: Anh Lê Huỳnh Hải S có hộ khẩu thường trú tại tổ C, khu phố D, thị trấn Đ1, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; Các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ do Tòa án giao thì anh S đã được nhận; Sau khi kết hôn, anh S và chị T sống tại nhà ông bà từ tháng 5/2016 đến đầu tháng 10/2017 thì chị T về nhà cha mẹ ruột tại xã V, huyện B, thành phố Hà Nội sinh con và ở luôn cho tới nay không vào lại nhà ông, bà; Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị T theo ông bà là do chị T sau khi sinh con đã thay đổi tính tình nên chị T đã ở lại quê và không về sống chung với anh S nữa. Về những mâu thuẫn do chị T trình bày như là anh S đánh đập chị T, tiêu xài tiền là không đúng sự thật; Chị T và anh S có 01 con chung là cháu Lê Bảo N, sinh ngày 15/10/2017, đã được đăng ký khai sinh theo Giấy khai sinh số 809, đăng ký ngày 20/11/2017 tại UBND thị trấn Đ1, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Hiện cháu N đang

sống chung với chị T. Việc chị T tự ý đăng ký khai sinh cho cháu N tại UBND xã V, huyện B với tên là Chu Quỳnh N là sai quy định.

Tại Công văn số 1183/HTQTCT-HT ngày 26/10/2018 của Cục hộ tịch, quốc tịch, chứng thực Bộ Tư pháp về việc cung cấp thông tin liên quan đến việc đăng ký khai sinh đã nêu rõ:

- Giấy khai sinh số 267, đăng ký ngày 26/11/2017 tại UBND xã V, huyện B, thành phố Hà Nội được cấp không đúng quy định pháp luật hộ tịch nên không có giá trị pháp lý, đã được UBND huyện B thu hồi, hủy bỏ.

- Giấy khai sinh số 809, đăng ký ngày 20/11/2017 tại UBND thị trấn Đ1, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận được cấp đảm bảo trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ theo quy định của pháp luật hộ tịch.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập nhưng không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, của các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng pháp luật.
- Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật
- Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.
- Bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.
- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giải quyết cho chị Chu Thị T ly hôn với anh Lê Huỳnh Hải S. Về con chung: Giao cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Bảo N, sinh ngày 15/10/2017; anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có tài liệu, chứng cứ thể hiện sự

vắng mặt của bị đơn là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[4] Nội dung vụ án:

[a] Về hôn nhân: Chị Chu Thị T và anh Lê Huỳnh Hải S tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện B, Thành phố Hà Nội ngày 21/4/2016, đăng ký kết hôn số 45/2016. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, chung sống với nhau thời gian ngắn và ly thân đến nay đã gần một năm rưỡi. Nguyên nhân là do anh chị quen biết, tìm hiểu và yêu nhau qua mạng xã hội nên không hiểu về tính cách của nhau. Khi về chung sống thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã ly thân từ khoảng giữa năm 2017 đến nay, thời gian ly thân giữa anh chị đã lâu, không còn sống chung, tình cảm đã phai nhạt. Ngoài ra, do khoảng cách địa lý giữa anh, chị quá xa nhưng chị T hiện nay đang sống tại huyện B, thành phố Hà Nội, còn anh S lại sinh sống tại huyện Đ, tỉnh Bình Thuận nên anh chị không thể cùng nhau xây dựng cuộc sống chung; không thể yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ mọi mặt trong cuộc sống cũng như giúp đỡ nhau trong việc chăm sóc, nuôi dạy con chung. Mặt khác, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho anh S lên Tòa án tham gia tố tụng nhưng anh S vẫn không tham gia, chứng tỏ anh S không muốn hàn gắn cuộc hôn nhân này nữa nên bỏ mặc cho chị T muốn làm gì thì làm. Thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài cũng không đem lại lợi ích cho anh, chị. Nghĩ cần xử cho chị T ly hôn anh S là phù hợp.

[b] Về con chung:

Công văn số 1183/HTQTCT-HT ngày 26/10/2018 của Cục hộ tịch, quốc tịch, chứng thực Bộ Tư pháp đã nêu rõ giấy khai sinh số 809, đăng ký ngày 20/11/2017 tại UBND thị trấn Đ1, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận được cấp đảm bảo trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ theo quy định của pháp luật hộ tịch. Do đó, xác định tên con chung của chị T và anh S là Lê Bảo N, sinh ngày 15/10/2017.

Chị T yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu N. Thấy rằng cháu N chưa đủ 36 tháng tuổi. Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng

là đúng pháp luật. Sau ly hôn, anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không phải xem xét, giải quyết.

[c] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu nên không phải xem xét, giải quyết trong bản án này.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên chị T phải chịu toàn bộ án phí DSST về ly hôn.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 1, khoản 2, 3, 4, 5 Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Chị Chu Thị T ly hôn anh Lê Huỳnh Hải S.

- Về con chung: Giao cho chị Chu Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Bảo N, sinh ngày 15/10/2017. Anh Lê Huỳnh Hải S không phải cấp dưỡng nuôi con, anh có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí DSST: Chị Chu Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0018468, ngày 30 tháng 5 năm 2018. Chị T đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THA huyện Đức Linh;
- UBND xã V,
huyện B, thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHAN PHÚC THỊ THU HÀ